

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HS-ST

Ngày: 25 – 6 – 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Chắt

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Phiến và ông Nguyễn Văn Được

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Dũng - Kiểm sát viên và ông Nguyễn Xuân Phương – Kiểm tra viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2020/TLST-HS, ngày 04 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn N**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1983 tại Bình Phước; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 2, xã T, thành phố Đ, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Đoàn Thị D (đã chết); Bị cáo có vợ tên Trịnh Thị Yến N và 02 người con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền sự: không; Tiền án: ngày 13/8/2004 bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ) xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 19/11/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2020 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo là người có nhân thân xấu:

- Ngày 28/3/2002, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ) xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 02/6/2006, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ) xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

**Người bị hại:** Ông Đỗ Ngọc Trung T, sinh năm 2004; Nơi cư trú: ấp 2, xã T, thành phố Đ, tỉnh B “vắng mặt”.

**Người đại diện hợp pháp của người bị hại:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; Nơi cư trú: ấp 2, xã T, thành phố Đ, tỉnh B “có mặt”.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Đoàn Quang H, sinh năm 2002; Nơi cư trú: ấp 2, xã T, thành phố Đ, tỉnh B “vắng mặt”.

**Người làm chứng:** Ông Triệu Minh H, sinh năm 1998; Nơi cư trú: ấp 2, xã T, thành phố Đ, tỉnh B “vắng mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 26/01/2020 Nguyễn Văn N đến nhà Đỗ Ngọc Trung T tại ấp 2, xã T, thành phố Đ chơi. Khi đến nhà N nhìn thấy T đang nằm ngủ tại phòng khách, bên cạnh T có để 01 điện thoại Iphone 6S, màu hồng không có người trong coi nên N nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại đem bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó N lấy điện thoại bỏ vào túi quần bên trái rồi đi về nhà. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày N đem điện thoại đến nhà của Đoàn Quang H cầm cố cho H được 500.000 đồng, Sau đó N sử dụng số tiền trên vào việc đánh bạc tại nhà của H và thua hết tiền. N tiếp tục bán điện thoại trên cho H với giá 1.000.000 đồng, H đồng ý mua và đưa cho N 500.000 đồng còn lại. Số tiền này N tiếp tục sử dụng vào việc đánh bạc và thua hết. Sau khi T phát hiện bị mất điện thoại thì gặp Triệu Minh H là bạn của T nói cho T biết thấy N lấy điện thoại của T đi cầm cho H. T đến công xã T trình báo sự việc bị mất trộm điện thoại Iphone (các bút lục 47, 48, 49).

Tại kết luận định giá tài sản số 08/KLĐG ngày 07/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận: 01 điện thoại Iphone 6S màu hồng, 32 GB trị giá 3.250.000 đồng và 01 ốp lưng điện thoại trị giá 1.000 đồng, tổng cộng là 3.251.000 đồng (bút lục 23, 24).

Tại Cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đỗ Ngọc Trung T không có yêu cầu về phần dân sự; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Quang H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện tội phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 26/01/2020 bị cáo N đã lén lút lấy trộm 01 điện thoại Iphone 6s và 01 ốp lưng điện thoại của anh Đỗ Ngọc Trung T tại ấp 2, xã T, thành phố Đ, tỉnh B. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của anh T trị giá 3.251.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và Hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, trong quá trình thực hiện bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng sự sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, khi bị phát hiện sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Song, do thói lười lao động, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng mà bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh T. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, bất an trong đời sống xã hội. Mặt khác bị cáo có 02 tiền án, cụ thể ngày 13/8/2004 bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ) xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 26/2004/HSST, ngày 19/11/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 128/2010/HSPT, bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý, như vậy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ như sau: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, giữa bị cáo và người bị hại có mối quan hệ là cậu và cháu ruột, người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cha bị cáo là thương binh. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên được xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân xấu: ngày 28/3/2002 bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố

Đ) xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 02/6/2006, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ) xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của hai bản án trên và đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội, thể hiện bị cáo không có sự ăn năn hối cải, coi thường pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng.

[7] Đối với Đoàn Quang H là người mua điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu hồng mà bị cáo trộm cắp nhưng khi mua H không biết điện thoại do bị cáo trộm cắp mà có nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xử lý.

[8] Đối với hành vi đánh bạc của bị cáo tại nhà Đoàn Quang H quá trình điều tra không xác định được những ai tham gia đánh bạc cùng với N nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại Đỗ Ngọc Trung T và người đại diện hợp pháp của người bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Ông Đoàn Quang H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền mua điện thoại là 1.000.000 đồng, yêu cầu này được bị cáo tự nguyện đồng ý nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về vật chứng vụ án: Ngày 20/2/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 điện thoại Iphone 6s cho Đỗ Ngọc Trung T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

### **2. Về hình phạt:**

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2020.

### **3. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự;

Bị cáo Nguyễn Văn N có trách nhiệm bồi thường cho ông Đoàn Quang H số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

*“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.*

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

#### **4. Về án phí:**

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

#### **5. Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo, bà T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T và ông H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đồng Xoài;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đồng Xoài;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đồng Xoài;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Đã ký*

**Võ Chất**